TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HS-ST
Ngày 23-10-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hội và bà Lò Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Lò Văn T, sinh ngày 13/7/1990 tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản P, xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 7/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Lò Văn Y và bà Vì Thị N; vợ là Cầm Thị H, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/6/2024 đến nay, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ 30 phút, ngày 28/6/2024 tổ công tác Công an huyện Mộc Châu làm nhiệm vụ tại bản Pha Nhên, xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tiến hành kiểm tra đối với Lò Văn T đang đi bộ trên đường dân sinh. Khi tổ công tác kiểm tra T đã nuốt 02 (hai) gói nilon màu xanh bên trong đựng ma túy vào cơ thể. Tổ công tác đã dẫn giải Lò Văn T đến Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên để các bác sỹ áp dụng thủ thuật y tế, qua nội soi phát hiện tại hang vị dạ dày của Lò Văn T có 02 gói nilon màu xanh, bên trong một gói đựng 02 viên nén màu hồng và một gói đựng 03 viên nén màu hồng, trên bề mặt mỗi viên đều có ký hiệu WY nghi là ma túy, loại Methamphetamine. Lò Văn T khai nhận đó là ma túy của T

mua mang về để sử dụng cho bản thân. Căn cứ hành vi vi phạm của Lò Văn T, tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ niêm phong vật chứng và dẫn giải Lò Văn T đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu để điều tra, làm rõ.

Ngày 28/6/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã tiến hành xác định: Khối lượng 03 viên nén màu hồng được 0,28 gam, lấy toàn bộ làm mẫu trưng cầu giám định, mẫu có ký hiệu T1; Khối lượng 02 viên nén màu hồng được 0,17 gam, lấy toàn bộ làm mẫu trưng cầu giám định, mẫu có ký hiệu T2.

Tại Kết luận giám định số 1405/KL-KTHS ngày 02/7/2024 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: *Mẫu ký hiệu T1, T2 gửi giám định đều là ma túy*; *loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định T1 = 0,28 gam; T2 = 0,17 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,45 gam; loại Methamphetamine.*

Quá trình điều tra Lò Văn T khai nhận: Bản thân nghiện chất ma túy. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 28/6/2024 T đi bộ từ nhà đến bản Pha Nhên, xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu mục đích tìm mua ma túy về sử dụng, khi đi trên đường dân sinh thuộc bản Pha Nhên, xã Lóng Sập, Lò Văn T gặp một người đàn ông không quen biết T đã hỏi và mua được của người đó 05 viên hồng phiến được gói trong 02 mảnh nilon màu xanh với giá 70.000 đồng. Sau khi mua được ma túy T cầm trong lòng bàn tay rồi đi bộ về. Trên đường về gặp tổ công tác Công an huyện Mộc Châu kiểm tra, T đã nuốt 02 gói nilon đựng ma túy vào cơ thể sau đó được tổ công tác đưa đến Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên tiến hành nội soi, thu giữ vật chứng.

Cáo trạng số 170/CT-VKS ngày 02/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La truy tố Lò Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La giữ nguyên cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và áp dụng các căn cứ pháp luật như sau:

1. Áp dụngđiểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 21 tháng đến 24 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì đựng 02 mảnh nilon màu xanh và phong bì niêm phong ban đầu; 01 phong bì đựng test thử ma túy đối với Lò Văn T.

3. Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm xử lý các vấn đề của vụ án. Bị cáo nhất trí với nội dung cáo trạng đã truy tố và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo có lời nói sau cùng xin được giảm nhẹ mức hình phạt và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Mộc Châu, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Lò Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan Điều tra. Số ma túy bị tổ công tác thu giữ có nguồn gốc do bị cáo mua của một người đàn ông không quen biết với giá 70.000 đồng, mục đích sử dụng cho bản thân.

Xét lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang do tổ công tác Công an huyện Mộc Châu lập vào hồi 21giờ 15 phút, ngày 28/6/2024; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; biên bản mở niêm phong xác định số lượng, khối lượng, lấy mẫu giám định, niêm phong lại vật chứng đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; bản Kết luận giám định số 1405/KL-KTHS ngày 02/7/2024 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: 02 mẫu ký hiệu từ T1, T2 gửi giám định đều là ma túy; loại Methamphetamine. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ của cơ quan điều tra đã thu thập được trong hồ sơ.

[3] *Về khung hình phạt áp dụng*: Bị cáo tàng trữ khối lượng 0,45 gam Methamphetamine mục đích để sử dụng, do đó Lò Văn T đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Về tính chất và mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm trọng, đã xâm phạm chế độ, chính sách độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, nhận thức rõ tác hại của ma túy, biết ma túy bị Nhà nước nghiêm cấm tàng trữ, mua bán, sử dụng nhưng bị cáo đã coi thường pháp luật nên cố ý phạm tội.

Từ những đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, phù hợp với quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng, xử lý vật chứng:

Đối với: 01 phong bì đựng 02 mảnh nilon màu xanh và phong bì niêm phong ban đầu; 01 phong bì đựng test thử ma túy đối với Lò Văn T. Xét đây là vật không có giá trị sử dụng, căn cứ khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về các vấn đề khác: Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Lò Văn T, quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ. Do đó không có căn cứ để điều tra, làm rõ và xử lý.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Thời hạn tạm giam của bị cáo còn dưới 45 ngày do đó Hội đồng xét xử ra Quyết định tạm giam đối với bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo Lò Văn T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/6/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Về vật chứng: Căn cứ khoản 1; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì đựng 02 mảnh nilon màu xanh và phong bì niêm phong ban đầu; 01 phong bì đựng test thử ma túy đối với Lò Văn T.

(Vật chứng được mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/10/2024 của Cơ quan điều tra Công an huyện Mộc Châu và Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Châu).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lò Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.